

TIỂU SỬ

HÒA THƯỢNG THÍCH NHẬT LIÊN

Chứng Minh Đạo Sư Kiêm Viện Chủ Chùa Long Thọ

B2 đường Hùng Vương - thị xã Long Khánh - tỉnh Đồng Nai

· THÂN THỂ :

Hoà Thượng thể danh Diệp Quang Tiền, pháp danh Tâm Khai, tự Thiện Giác, hiệu Trí Ân Nhật Liên.

Ngài sanh ngày 13 tháng 10 năm Quý Hợi (1923) tại thôn Xuân Yên, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, trong một gia đình thâm tín Phật Giáo.

Thân phụ là cụ Diệp Chí Hoan; thân mẫu là cụ bà Phan Thị Đường. Hai cụ sinh hạ được 5 người con : 4 nam, 1 nữ - Ngài là con thứ trong gia đình, sau anh trưởng là Thầy Diệp Tôn (Thích Thiện Liên).

Năm lên 6 tuổi (1928) gia đình Ngài dời về thôn Diên Sanh, xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Thân sinh Ngài đã rước thầy Đồ Nho danh tiếng về nhà để dạy chữ Hán cho hai con. Hai anh em Ngài thường được cụ Đồ khen là thông minh, hứa hẹn một tương lai tốt đẹp.

Năm lên 10 tuổi (1932), Ngài theo học Việt Văn tại thôn Diên Sanh.

· XUẤT GIA :

Vốn có óc duyên với Phật Pháp, năm 13 tuổi (1935) Ngài cùng anh trưởng, được sự đồng ý của song thân và dưới sự điều dắt của Thúc Phụ cũng là Sư Thúc, Hoà thượng Thích Đôn Hậu, xuất gia theo Hoà thượng Thích Giác Nguyên Trụ trì Chùa Tây Thiên Di Đà tại Huế. Hai anh em Ngài được Hoà Thượng truyền thọ Tam Quy Ngũ Giới, đồng thời làm lễ thể độ xuất gia và cho Ngài pháp danh : Tâm Khai, tự Thiện Giác, anh trưởng pháp danh : Tâm Hoa, tự Thiện Liên.

Đương thời, ở Việt Nam, phong trào chấn hưng Phật giáo đang lên cao. Tại miền Nam, có Hội Nam kỳ nghiên cứu Phật học, thành lập năm 1930, trụ sở đặt tại Chùa Linh Sơn - Sài Gòn, và xuất bản tạp chí Từ Bi Âm tại Huế, có Hội An Nam Phật Học (sau này đổi tên là Hội Việt Nam Phật học), thành lập năm 1932, xuất bản nguyệt san Viên Âm, và mở trường Sơ Đẳng Phật Học tại Chùa Trúc Lâm, sau dời về Chùa Báo Quốc Huế. Tại miền Bắc, có Bắc Kỳ Phật Giáo Hội, thành lập năm 1934, trụ sở đặt tại Chùa Quán Sứ Hà Nội và xuất bản báo Đuốc Tuệ. Được xuất gia trong phong trào lịch sử đó, nên chỉ sau một thời gian ngắn nhập đạo, Ngài đã được Hoà Thượng Bổn Sư cho tòng học tại Sơ đẳng Phật Học đường, do Hoà Thượng Thích Trí Độ làm Đốc giáo. Những bạn đồng học cùng Ngài bấy giờ là các Hoà Thượng Thiện Siêu, Trí Quang, Thiện Minh v.v... ngày nay.

· HỌC ĐẠO :

Được song thân cho theo đuổi nghiệp đèn sách ngay từ ngày còn thơ ấu, và với tư chất thông minh, tinh thần hiếu học sẵn có, lại được sự tận tâm ân cần dạy bảo của Hoà Thượng Đốc giáo, nên sự học vấn của Ngài rất chóng tiến bộ, và trong kì thi cuối niên học đầu tiên, với đề tài giáo lý "Năm thời thuyết pháp của Đức Phật" Ngài được xếp vào hạng ưu.

Năm 18 tuổi (1940), Ngài theo học tại Phật Học Đường Tây Thiên do Sơn môn Tăng Già Thừa Thiên Huế (tiền thân của Giáo hội Tăng Già sau này) thành lập. Cùng năm Ngài được Hoà Thượng Bổn sư cũng là Hoà Thượng Đường Đầu, truyền thọ Giới Sa Di tại Giới Đàn Chùa Tây Thiên.

· HÀNH HOÁ :

Năm Ngài 22 tuổi (1944) sau khi tốt nghiệp tại Phật Học Đường Tây Thiên, Ngài được cử vào giảng dạy tại Thích Học Đường của Hội Luồng Xuyên Phật Học tại tỉnh Trà Vinh.

Năm 23 tuổi (1945) Ngài nhận lời mời của Sơn Môn Tăng Già tỉnh Bình Thuận, giảng dạy Phật pháp tại Chùa Phật Quang (Chùa Cát), Phan Thiết

Năm 24 tuổi (1946) vì tình hình chính trị trong nước xáo trộn, nên Ngài trở về trú tại Chùa Long An thuộc liên thôn Xuân Yên-Nhan Biều, huyện Triệu Phong là ngôi Chùa của gia tộc Ngài. Ngài nhận lời mời của Tỉnh Hội Phật Giáo Quảng Trị làm Giảng Sư của Tỉnh hội. Đồng thời, Ngài cùng các vị trong Sơn môn Tăng già Quảng Trị thành lập Phật học đường Quảng Trị đặt tại Chùa Long An.

Đầu năm 1947, quân Pháp tái chiếm Quảng Trị, Ngài về ẩn cư tại Chùa Diên Thọ, thuộc thôn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Tại đây Ngài hoạt động đã phá Tổ chức Phật Giáo Thiện Lữ (thân Chính), và cùng Huỳnh trưởng là Thầy Thiện Liên hoạt động phục hồi Sơn môn Tăng già Quảng Trị trước sự tổ chức rầm rộ, ồ ạt của phái Thiện Lữ.

Năm 28 tuổi (1950), Ngài rời Quảng Trị vào Huế ở tại Chùa Tây Thiên hầu cận Bổn sư, sau qua Chùa Linh Mục phụ tá cho Hoà Thượng Sư Thúc, trông nom sinh hoạt của Chùa, vì Hoà Thượng thường xuyên đi giảng dạy các trường Phật học tại Huế.

Trong lúc đó, tình hình Phật Giáo ở miền Nam đang bước đầu phát triển. Cuối năm, Ngài được phép của Bổn Sư và Sư Thúc rời Huế vào Sài Gòn hợp tác với Quý Thầy ở Phật Học Đường Nam Việt. Ban đầu trụ sở đặt tại Chùa Sùng Đức - Chợ Lớn, sau dời về Chùa Ấn Quang - Sài Gòn.

Nguyên ngôi Chùa Ấn Quang tên cũ là Ứng Quang do Hoà Thượng Thích Trí Hữu sáng lập và Hoà Thượng đã phát nguyện cúng cho Quý Thầy ở 3 Phật Học Đường là Liên Hải -Mai Sơn -Ứng Quang, kể cả Hoà Thượng Thiện Hòa và Ngài là 7 vị, để có cơ sở làm Phật sự chung. Sau khi 3 Phật học đường này hiệp nhất, lấy danh hiệu là Phật Học Nam Việt, do sự vận động của nhị vị Hoà Thượng Trí Quang và Thiện Minh (1950). Khi Ngài hợp tác với Quý Thầy, Ngài đã đề nghị đổi tên Chùa Ứng Quang thành Ấn Quang theo ý nghĩa Tổ Ấn Trùng Quang. Ngài cũng đề nghị đổi khuôn dấu của Phật học đường Nam Việt (bằng Hán tự) thành Nam Việt Phật Học Đường...

- Về mặt giáo dục, Ngài nhận lãnh chức vụ Cố vấn kiêm Giáo thọ Phật Học Đường, các học Tăng do Ngài hướng dẫn lúc bấy giờ là các Hoà Thượng : Từ Thông, Huyền Vi, Thiện Định, Thanh Từ v.v... ngày nay.

- Cũng trong thời gian này, Ngài tham gia Hội Phật Học Nam Việt (Chùa Xá Lợi ngày nay) giữ chức Đệ nhất Cố vấn Ban Quản trị Trung Ương Hội, kiêm chủ biên Tạp chí Từ Quang, cơ quan Hoằng pháp của Hội trong buổi đầu.

- Năm 29 tuổi (1951), Hội nghị thống nhất Phật Giáo Việt Nam họp tại Chùa Từ Đàm Huế để thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam (tiền thân của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sau này). Ngài là một trong số 51 vị Đại biểu Phật giáo toàn quốc và là một trong 7 thành viên của Phái đoàn Phật giáo Nam Việt.

- Cùng năm đó, Ngài vận động thành lập Giáo Hội Tăng Già Nam Việt và giữ chức vụ Tổng thư ký sáng lập Hội, trụ sở đặt tại Chùa Hưng Long, sau đó dời về Chùa Ấn Quang.

- Năm 30 tuổi (1952) Ngài tấn đàn thọ Cụ Túc Giới, tại Giới đàn Chùa Ấn Quang, do Hòa thượng Thích Đôn Hậu làm Hòa thượng Đường đầu. Các Giới tử đồng thọ giới với Ngài lúc bấy giờ là Thầy Nhất Hạnh, Thầy Thiện Tấn (bào huynh của Thầy Nhất Hạnh), v.v...

- Năm 31 tuổi (1953) Ngài vận động tổ chức Đại hội Tăng Già Nam Việt; Đại hội được mở tại Chùa Ấn Quang, và lần đầu tiên có hơn 500 Tăng Ni và đông đảo đồng bào Phật tử khắp miền Nam tham dự. Đại hội suy tôn Hòa thượng Thích Huệ Quang, nguyên Tổng lý Hội Luồng Xuyên Phật Học Trà Vinh lên ngôi Pháp Chủ Phật Giáo Nam Việt. (Trong Đại hội này, Ban Quản Trị và Ban Hộ Trợ Phật Học Đường Nam Việt đã đóng một vai trò rất quan trọng).

- Cũng trong năm này, dư luận quần chúng Phật tử xôn xao về loạt bài đăng trên Báo "Thần Chung" (Tìm hiểu Phật Giáo Việt Nam) của tác giả Đoàn Trung Còn. Mục đích của bài này không phải thật sự tìm hiểu, mà là xuyên tạc sự thật, gán cho những người hoạt động cho Phật Giáo Thống Nhất bấy giờ là những kẻ tha phương cầu thực, làm Chính trị, phi báng Đức Bồ Tát Quán Thế Âm v.v..., và đề cao Tổ chức Lục Hòa Tăng Nam Việt, cho Tổ Chức này là chính thống. Để cho quần chúng Phật tử, cũng như không phải là Phật tử tại miền Nam hiểu rõ về Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, Ngài đã viết loạt bài "Người học Phật phải tôn trọng sự thật" đăng trên Báo "Dân Ta" để trả lời. Khi loạt bài của Ngài xuất hiện, mọi người mới hiểu rõ là Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam mà Giáo Hội Tăng Già Nam Việt và Hội Phật Học Nam Việt là 2 Tập đoàn Tăng Già, Cư sĩ trong số 6 Tập đoàn của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam cả nước.

- Năm 32 tuổi (1954) Ngài nghỉ việc tại Phật Học Đường Nam Việt; hai lần vân du sang Cao Miên, mở Lớp bồi dưỡng Giáo lý và mở Khóa Huấn luyện Trú trì cho Tăng Già Việt Kiều tại Chùa Kim Chương ở Nam Vang.

- Năm 33 tuổi (1955) do Thịnh Nguyễn thư đề ngày 25/11/1955 của vị nguyên Hội trưởng Vientiane Phật Giáo Hội (Hội Phật Giáo Việt Kiều) tại thủ đô nước Lào, ông Trịnh Văn Phú và Đại Đức Trú trì lâm thời Chùa Bàn Long - Vientiane Thích Thiện Liên (vị Sư du phương Hoằng hoá và đã đem hết tâm lực, vận động thu hồi ngôi Chùa Bàn Long đã bị người bản xứ chiếm ở 1945), gởi Giáo Hội Tăng Già Trung Việt tại Huế, thỉnh cầu Giáo Hội cử cho một vị Tăng Già đức độ đảm nhiệm Phật sự Phật Giáo Việt Nam tại Lào. Ngài đã được Giáo hội cung cử ủy nhiệm đảm trách Phật sự quan trọng ấy. Tại Lào, Ngài được toàn thể Chư tăng và Phật tử Việt Kiều suy tôn lên ngôi Đạo Thống Phật Giáo Việt Nam tại Lào, kiêm Trú trì Chùa Bàn Long. Với một trọng trách mới, Ngài đem hết tâm lực, xiển dương Phật pháp, thiết lập hệ thống Phật Giáo Việt Nam tại Lào từ cấp Trung Ương xuống các cấp Tỉnh, Thành; Tại Trung Ương có Tòa Đạo Thống và Viện Hành Pháp Trung Ương. Tại các Tỉnh, Thị, đông đảo Phật tử Việt Kiều cư trú, có Ban đại diện Phật giáo Tỉnh.

- Nhon duyên Phật pháp đưa đẩy, tiếp theo bước chân của Ngài, có các Hòa thượng Quảng Thiệp, Hòa thượng Thanh Tuất, Hòa thượng Trung Quán, kế trước người sau từ Sài Gòn sang Lào, cộng trú tại Chùa Bàn Long. Kể từ đó, hệ thống Phật Giáo Việt Nam tại Lào phát triển lớn mạnh. Hòa Thượng Thanh Tuất xây dựng Chùa Phật Tích tại Luangprabang, tiếp theo Hòa thượng Trung Quán tiếp tục mở mang rộng lớn thêm.

- Năm 38 tuổi (1960) với sự hợp lực của Hòa thượng Trung Quán, Ngài phát nguyện sùng tạo Chùa Bàn Long với quy mô rộng lớn, thành lập Phật Học Viện Huyền Quang, Ni bộ Đại Thừa Phật Giáo Việt Nam tại Chùa Bàn Long. Những năm kế tiếp, Ngài đứng ra tu sửa ngôi miếu thờ Phật tại nghĩa địa Việt Kiều Vientiane cũ thành am Phật tích, về sau trở thành Ngôi Chùa của Ni Chúng - Tạo mãi, thiết lập nghĩa trang Phật Giáo (gọi là Thánh địa Phật Giáo), xây dựng Chùa Đại Nguyên tại nghĩa trang. Ngài cũng cho trùng tu Chùa Bảo Quang (Chùa Tăng) và Chùa Diệu Giác (Ni) tại SavannaKhet với quy mô rộng lớn. Trùng tu Chùa Long Vân tại Paksé, Chùa Bồ Đề tại Thà Khẹt v.v... Bước chân của Ngài đi đến đâu, Ngài đều trang nghiêm Phật cảnh, tiếp Tăng độ Chúng và hướng dẫn đồng bào Phật tử sống theo đúng đường hướng giáo lý của Đức Phật.

- Do những hoạt động Phật sự của hệ thống Phật Giáo Việt Nam tại Lào phát triển mạnh mẽ. Do những xung đột giữa nhiều thế lực thù địch và tình hình chiến tranh cục bộ đương thời, cộng thêm những sự việc vừa kể trên, Ngài bị tình nghi là khuynh Cộng, hoạt động cho Cộng sản Việt Nam, nên Ngài đã bị chính quyền Lào trục xuất về Việt Nam với lý do an ninh quốc gia Lào, ngày 19/9/1969, để lại trong lòng Tăng, Ni và Phật tử Việt Kiều tại Lào bao nỗi xót xa kính nhớ !!!

- Tại Sài Gòn, trong thời gian làm thủ tục hồi hương, không rõ nguyên nhân sắp xếp từ đâu ? có một cuộc tiếp xúc giữa Ngài và ông Mai Thọ Truyền, Hội trưởng Hội Phật Học Việt Nam Chùa Xá Lợi và ông Truyền đã mời Ngài về lưu trú tại Chùa Xá Lợi. Ngài nhận lời mời. Sau khi an trú tại đây, việc đầu tiên của Ngài là đánh điện thỉnh cầu Hòa Thượng Thích Trung Quán đang trú tại Chùa Bàn Long Vientiane hoan hỷ phát tâm đảm nhiệm Phật sự Phật Giáo Việt Nam tại Lào, kiêm Quản trị Chùa Bàn Long. Rồi lần lượt viếng thăm các vị Hòa Thượng tôn túc Lãnh đạo Giáo Hội, thời gian còn lại, Ngài chuyên chú xem Đại Tạng Kinh tại Thư viện của Chùa.

- Năm 48 tuổi (1970) Ngài đảm nhiệm ngôi Chùa cổ Văn Thánh tại Thị Nghè- Gia Định, do Hòa Thượng Thích Tuệ Đăng chuyển cúng. Ngôi Chùa được thành lập năm 1906. Ngài trú tại đây, rồi ra công chỉnh trang, tu sửa, thay đổi cách bài trí, biến nơi đây thành ngôi Già Lam thanh tịnh trang nghiêm.

- Ngài tôn tạo Phật đài Quán Thế Âm lộ thiên trước Chùa uy nghiêm cao lớn, hướng mặt ra phía dòng sông. Một điều đáng nói ở đây là sự mâu nhiệm : Trong ngày khánh thành an vị Phật đài và cầu siêu, chú nguyện cho các vong linh trầm

nịch hoặc tự trầm giữa dòng sông Văn Thánh chảy ngang trước Chùa, bắt chọt xuất hiện một làn ánh sáng, xẹt từ trên cao xuống Chùa. Và cũng từ ngày có Phật đài, số người bị trầm nịch hoặc tự trầm không còn xảy ra nữa- Trong dịp này, Ngài đặt hai câu đối trước trụ công Chùa, phía ngoài đường :

Văn Thánh tự thuở tiêu danh, Đạo truyền thiên hạ

Phật tượng giờ đây định vị, Phước rải hà sa.

Và hai câu đối phía trong sân Chùa :

Quy mạng Ba ngôi, Nguyên chuyển mê thành ngộ

Thọ trì năm Giới, Xin bô ác làm lành.

- Năm 53 tuổi (1975), Tỉnh Giáo Hội Long Khánh, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, gởi văn thư lên Viện Hoá Đạo, kính nhờ Viện thỉnh cho một vị Trụ trì Chùa Tỉnh Giáo hội. Do đó Hội đồng Viện trong phiên họp ngày 13/01/1975 đã quyết định thỉnh Ngài đảm nhiệm chức vụ Chứng Minh Đạo Sư kiêm phụ trách Chùa Tỉnh Giáo Hội Long Khánh (Văn thư số : 014/VHĐ/VP, ngày 15/01/1975).

- Thừa mệnh Trung Ương Giáo Hội, đề hoằng dương Phật pháp, và đáp ứng nguyện vọng của Ban Đại diện và toàn thể Phật tử Tỉnh Giáo Hội Long Khánh, Ngài đão nhiệm Chùa Tỉnh Giáo Hội ngày mùng 08 tháng 12 năm Giáp Dần (18/01/1975). Nhằm ngày Vía Đức Phật Thích Ca Thành Đạo và Lễ kỷ niệm các Bậc Tiền Bối có công với Đạo pháp và Đất nước.

- Nguyên ngôi Chùa Tỉnh Giáo Hội Long Khánh (tên cũ là Vĩnh Khánh) do Đại Đức Nguyễn Quảng Tấn khai sơn, cất dựng trên khu đất trống cao su do Công ty Đồn điền Cao su An Lộc của người Pháp tặng dũ Viện Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Trong bước đầu khó khăn, Chùa chỉ được cất dựng đơn sơ gồm một căn hai chái và một bãi đường bằng vật liệu nhẹ (1966-1967), chưa xứng danh là một ngôi Chùa Tỉnh Giáo Hội. Do đó Ngài có ý nguyện xây một ngôi Chùa mới. Ngày 16/01 năm Ất Mão (02/1975) sau lễ Cầu an năm mới Ngài đã huy động các Phật tử di dời ngôi Chùa và các nhà phụ thuộc qua phía hữu, và tiến hành đào móng xây dựng Chùa mới. Nhưng vì thời cơ không thuận lợi. Chiến tranh lại xảy ra, nên sau đó đành phải cất dựng lại trên nền cũ một ngôi Chùa năm gian, hai chái bằng vật liệu nhẹ rồi Thỉnh Phật, thiết trí an vị như cũ.

- Trong dịp này, Ngài đã đổi hiệu Chùa thành Long Thọ như ngày nay. - Như chúng ta đã biết trong giai đoạn này vấn đề xây dựng đành gác lại. Ra sức lao động sản xuất, tự lực cánh sinh, tạo lập vườn cây ăn trái gây nền tảng kinh tế cho Chùa và tuý chuyên hành Đạo.

- Trải qua thời gian hơn mười năm 1975-1985, đến năm 1985 mới ổn định đời sống Chư Tăng và từng bước chỉnh trang Chùa cảnh.

- Năm 1979, Ngài trở về Tổ Đình Chùa Tây Thiên ở Huế để cư tang Hòa Thượng Bôn sư. Sau tang lễ, Hội đồng môn phái đã họp cử Ngài làm Trụ trì Tổ Đình Tây Thiên Huế. Song Ngài giao lại cho Pháp Đệi coi sóc, rồi trở vào Long Khánh tiếp tục hoằng hoá độ sinh.

- Do công đức hộ trì Tam Bảo của Ban Hộ Tự và Chư Đại Đức Tăng, Ni cùng quý vị Phật tử thân tín xa gần, trong nước và ngoài nước, Chùa đã tuân tự thực hiện các công trình như : tu sửa nhẹ, chống mối mọt, chống dột, xây đường từ Chánh điện ra công Chùa. Tường rào bao bọc khuôn viên chùa, xây Tịnh xá Thích Trí Độ, nhà Trù, nhà Tăng, phòng phát hành Kinh sách, tượng ảnh, mở tiệm cơm chay lấy tên "Đại Chúng" (tạo thêm kinh tế), cất dựng Trai đường, cũng là nhà Bát Quan trai, hiên học tập thực hành Phật pháp và cũng là phòng khách v.v... xây dựng Bảo tháp thờ Ngài Thích Bửu Huệ, người có công với Đạo pháp Tinh nhà.

- Cũng năm 1984, Ngài đã đứng Chứng minh Khai sơn Thiên thất Thanh Qui Lan Nhã, nay là Chùa Lan Nhã tại xã Phước Tân, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Năm 1987, Ngài đứng khai sơn Lam Viên Tịnh Thất tại xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Năm 1992, đội công ơn sâu dày Hội đồng Lưỡng Viện, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Ngài trở về Cổ đô Huế để hầu hạ Sư Thúc và cũng là Thúc Phụ, là Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Trụ trì Chùa Linh Mục Huế, nguyên Chánh Thư ký kiêm xử lý Viện Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Viện chủ Chùa Linh Mục, lâm trọng bệnh. Trên giường bệnh và trong suốt thời gian Hòa Thượng suy yếu, cho đến khi Viên Tịch, Ngài đã cận kề chăm sóc và Nhận Lãnh Di Huấn và Chúc thư của Cố Đại Lão Hòa Thượng. Vì lẽ đó, nên Ngài gặp phải rất nhiều khó khăn, bởi nhiều thế lực và mối bất hòa giữa hai Giáo hội cũ và mới.

- Nên biết rằng, Ngài đã từng là một Phụ tá đắc lực của Đức Tăng Thống (Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất). Sau lễ tang, Ngài trở vào Chùa Long Thọ. Cũng nơi đây, Ngài lại gặp phải khó khăn giữa những ý thức hệ sai lệch ; nên Ngài đã đột quỵ bởi cơn tai biến mạch máu não. Nhờ sự tận tâm cứu chữa của các Giáo sư, Bác sĩ, Y sĩ và sự ân cần chăm sóc của Môn đồ và Chư Tăng, Ni, Phật tử nên bệnh tình của Ngài dần dần thuyên giảm, sau hơn hai tháng điều trị.

- Ngài 71 tuổi (1973), mặc dù sức khoẻ của Ngài kém sút bởi bệnh xơ vữa mạch máu não và bệnh tim, nhưng Ngài đã cố gắng vận động tổ chức Lễ đặt đá, để làm nền móng cho việc kiến thiết quy mô xây dựng Ngôi Tam Bảo, nhằm ngày Vía Đức Bồ Tát Quán Thế Âm (19- 9 năm Quý Dậu).

- Năm 73 tuổi (1995) sau thời gian điều trị bệnh nhồi máu cơ tim, Ngài tiếp tục tiến hành xây đúc tiền sảnh (tiền đường) và hai lầu chuông trống của Chùa. Sau khi côngviệc hoàn tất, Ngài đặt hai câu liễn đối trước tiền sảnh:

Phật lực diệu vô biên, Nơi đầu mây lông, Hiện cung điện báu

Chân thân thường đầy khắp, Ngôi trong hạt bụi, Chuyển pháp luân vương (*)

Tây Phật điện, nam trí đường, Trần giới Diêm Phù, Kẻ thác siêu lên, Người còn nỗ lực.

Nay Đạo tràng, xưa Vĩnh Khánh, Nhân gian Cực lạc, Tuổi cao thọ vững, Đời trẻ thẳng hoa.

Hai câu liễn đối 2 lầu chuông trống và 2 con rồng xanh tả, hữu tầng cấp tiền sảnh:

Phật điện lên cao, Cảm ứng Trời thông Tán đò
Thiền môn yên tịnh, Cơ duyên Đất hiện Rồng xanh.

Hai câu liễn đối trước trụ công Chùa :

Chùa Phật lên cao, Kê hiên cửa, Người dâng công, Công đức trang nghiêm, thành tựu như thế.

Cảnh thiên Chung cả, Tăng đề cương, Tín lập nguyện, Nguyện thế kiên cố, Xây dựng còn đây...

Thật vậy, xây dựng còn đây, và còn tiếp tục vì công trình xây dựng chỉ mới được 1/10 theo đồ án.

- Năm 74 tuổi (1996), nhân dịp Lễ Phật Đản PL.2540, Ngài đặt hai câu đối (viết thành băng ngang) treo trước Tiền sảnh:
Xưa, nơi Thành Ca Tỳ Thiên liêng, từ Cung Trời Đâu suất,
Bồ Tát Hộ Minh, Giáng thần độ thế.

Nay, tại Chùa Long Thọ hiện thực, trong Đại tịch Niết bàn,

Thế Tôn Tịch Mặc, tùy Nguyện Ứng thân.

- Cùng năm (1996), Ngài tùy phương tiện xây dựng Tịnh Thất (Phương tiện) để có đủ chỗ cho Chư Tăng an trụ tu hành.

- Năm 75 tuổi (1997) Ngài chủ trương mở rộng và chỉnh trang sân chùa, di dời 3 pho tượng Tây phương Tam Thánh (A Di Đà- Quán Thế Âm- Đại Thế Chí) đến phía trước, rồi trồng cây kiểng quanh sân chùa và trồng hoa, cỏ thành hai câu liễn đối :

Tín, Hạnh, Nguyện, Siêu sanh Cực lạc

Văn, Tư, Tu, tịnh hoá Ta bà.

- Năm 76 tuổi (1998) nhân lễ Phật Đản - PL.2542 và kỷ niệm Đệ thập Chu niên Kiến lập Chùa Phật Quang tại Valence tại Pháp, Ngài gửi lời chào mừng, thăm hỏi Cộng đồng Phật giáo Việt Nam hải ngoại tại Pháp và tặng 2 câu đối:

Phật Giáo vươn lên, Khắp bốn biển năm châu, in dấu Tăng Già Việt Nam, xông pha hành đạo.

Huyền Trang hiện lại, qua nghìn sông muôn núi, vang danh giống giòng Hồng lạc, phấn đấu yêu đời.

Cùng năm, Ngài về Sài Gòn, một lần nữa, tu sửa Chùa Văn Thánh và tái chỉnh sự thờ tự trong Chùa.

- Năm 77 tuổi (1999), mặc dầu sức khỏe sút kém bởi nhiều chứng bệnh, nhưng Ngài đã vận động đúc Đại Hồng Chung, làm Pháp Báo thường trụ, và để kỷ niệm nơi Già Lam thắng địa. Lễ rót đồng được tổ chức trọng thể ngày 16/10 năm Kỷ Mão nhằm ngày 23/11/1999, có đông đảo Chư Tăng Ni, Phật tử và Thiện tín tham dự. (Hồng Chung cao 2,20m nặng 1.400 kg).

- Năm 78 tuổi, Ngài giao công việc Chùa cho Ban Quản trị Đạo Tràng và Ban Hộ trì Tam Bảo, rồi chuyên tâm nghiêm mật hành trì Thần Chú Đại Bi và Niệm Phật Tam Muội.

- Về việc Kiến thiết Chùa Long Thọ, Ngài thường nói với Chư tăng và Phật tử : Chùa Linh Mục tại Huế, sở dĩ trở thành một danh lam thắng cảnh và là di tích văn hoá, lịch sử của đất nước, không phải một sớm một chiều mà thành, phải trải qua bảy đời Chúa Nguyễn và ba đời Vua (Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị) mới hoàn thành. Xem như vậy, Chùa Long Thọ dù có trải qua năm, bảy mươi năm hay một trăm năm xây dựng mới hoàn tất, cũng không phải là thời gian quá dài.

- Dòng thời gian ngày mỗi qua đi theo định luật vô thường của vạn pháp; đã dần dà xói mòn đi sức khỏe của Ngài, lại thêm bệnh cũ tái phát hành hạ, ấy vậy mà Ngài vẫn tự tại tùy duyên tiếp tục xây dựng làm cho quang rạng cảnh Chùa. Hơn 30 năm trôi qua, kể từ ngày Ngài đặt chân đến vùng đất Long Khánh này, biết bao nỗi buồn, vui, thăng trầm của Đạo pháp, biết bao nỗi khó nhọc gian lao; tưởng chừng như không thể vượt qua. Nhưng với Trí, Đức và Nguyện lực kiên cố, nên trong hoàn cảnh nào Ngài cũng đều làm cho huy hoàng trang nghiêm cảnh Tịnh độ, dẫn dắt Đò Chúng, giáo hoá chúng sanh. Dưới mái Tịnh xá Chùa Long Thọ này Ngài sống một đời bình dị, đạm bạc, tri túc. Ngài thường dạy Môn đồ đệ tử rằng: Hãy siêng năng tu tập theo chánh pháp... Thực hành Pháp môn Niệm Phật Tam Muội, thọ trì Thần Chú Đại Bi và Kinh Pháp Hoa v.v... kết tinh những chất liệu ấy, để lợi lạc tự tha theo hạnh nguyện của người xuất gia hành đạo.

• THỜI GIAN VIÊN TỊCH :

- Trong suốt đời hoàng pháp lợi sanh, là chứng nhân biết bao giai đoạn lịch sử của Đạo pháp và đất nước. Ngài là bậc chân tu khả kính, xem danh lợi như phù vân. Luôn luôn tinh tấn, nhiếp tâm nhẫn nhục. Đối với những bậc bề trên thì Ngài khiêm cung với người dưới thì từ hòa lân mẫn, lúc nào cũng tận tụy dạy bảo, gần gũi cảm thông, với đệ tử thì hoan hỷ yêu thương. Nhưng với bản thân thì Ngài luôn luôn khắc kỷ.

- Đối với đạo pháp, Ngài là một nhà lãnh đạo, nhà giáo dục lỗi lạc; làm rạng rỡ cho Phật giáo Việt Nam một thời. Cùng đức hạnh và Giới luật tinh nghiêm, Ngài là một tấm gương ngời sáng cho Tăng, Ni nhiều Thế hệ.

- Đối với gia đình, Ngài là một người con chí hiếu. Sau chiến tranh, năm 1972, trở về thăm ngôi Chùa của gia tộc, Ngài tự tay sửa sang tu bổ. Theo lời các Phật tử Chùa Văn Thánh kể lại rằng : Có lần Thân mẫu Ngài bệnh nặng, nằm liệt không đi lại được, Ngài đã lập Đàn Dược Sư 108 ngày bái sám và phát nguyện : Con xin giảm 10 năm tuổi thọ để cho mẹ con được bình phục. Lời nguyện chí hiếu trên như đã làm cảm động trời đất, nên sau đó mẹ Ngài đã khoẻ hẳn ra.

- Những tướng Ngài mãi là ánh sao mai, là ngọn hải đăng chiếu soi, dẫn dắt chúng sanh trong đêm tăm tối, mãi trên lộ trình phụng sự đạo pháp, hóa độ chúng sanh, mãi mãi là bậc Thầy khả kính che chở, dìu dắt chúng con, nào ngờ, duyên trần đã mãn, Ngài an nhiên niệm Phật đi vào cõi tịnh lặng Niết Bàn.

Vào lúc : 17.00 giờ, ngày 08 tháng 01 năm 2010 (nhằm ngày 24/11/ Kỷ Sửu) tại Chùa Long Thọ, tỉnh Đồng Nai.

Ngài trụ thế 87 tuổi 59 Hạ lạc.

- Nam Mô Lâm Tế Chánh Tông Tứ Thập Tam Tế. Trùng kiến Long Thọ Tự Chứng Minh Đạo Sư, Tây Thiên Di Đà Tự Trụ Trì, Đệ nhị Cố vấn Viện Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Húy Thượng Tâm Hạ Khai, Tự Thiện Giác, Hiệu Trí Ấn Nhật Liên, Hòa thượng Giác Linh thùy từ Chứng giám./.